


Bản Tin về Toán Lớp Hai

Kỳ Chấm Điểm Thứ 2, Phần 1





MT	Mục Tiêu Học Tập theo Chủ Đề Đo Lường (MT) <u>Học sinh sẽ có thể...</u>								
Số và Các Phép Toán trong Hệ Cơ Số Mười	<ul style="list-style-type: none"> dùng các phương thức để cộng các số có 2 chữ số có hay không cấu tạo một chục (kết hợp mười đơn vị với nhau). <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><u>Có Cấu Tạo</u></td> <td style="text-align: center;"><u>Không Cấu Tạo</u></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$16 + 27 = 43$</td> <td style="text-align: center;">$12 + 15 = 27$</td> </tr> </table> dùng nhiều phương thức để trừ các số có 2 chữ số có hay không phân giải một chục (tách rời một chục thành mười đơn vị). <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><u>Có Phân Giải</u></td> <td style="text-align: center;"><u>Không Phân Giải</u></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$43 - 27 = 16$</td> <td style="text-align: center;">$27 - 15 = 12$</td> </tr> </table> giải thích tại sao các chiến lược cộng và trừ có kết quả. 	<u>Có Cấu Tạo</u>	<u>Không Cấu Tạo</u>	$16 + 27 = 43$	$12 + 15 = 27$	<u>Có Phân Giải</u>	<u>Không Phân Giải</u>	$43 - 27 = 16$	$27 - 15 = 12$
<u>Có Cấu Tạo</u>	<u>Không Cấu Tạo</u>								
$16 + 27 = 43$	$12 + 15 = 27$								
<u>Có Phân Giải</u>	<u>Không Phân Giải</u>								
$43 - 27 = 16$	$27 - 15 = 12$								
Các Phép Toán và Suy Luận Đại Số	<ul style="list-style-type: none"> dùng các phương thức để cộng và trừ tất cả các số có 1 chữ số một cách chính xác, có hiệu quả và bằng nhiều cách. nhận ra và giải thích những số lẻ (bất cứ số nào tận cùng bằng 1, 3, 5, 7, 9). nhận ra và giải thích những số chẵn (bất cứ số nào tận cùng bằng 0, 2, 4, 6, 8). viết một phương trình để biểu diễn các kết quả gấp đôi ($3 + 3 = 6$ or $5 + 5 = 10$). dùng các chiến lược cộng và trừ để giải các bài toán đố với 2 chữ số. 								
Đo Lường và Dữ Liệu	<ul style="list-style-type: none"> biểu diễn các số nguyên trên một trục số 1–100 dùng khoảng cách bằng nhau giữa các số. dùng một trục số để biểu diễn tổng số và hiệu số. <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">$12 + 23 = \underline{35}$</td> <td style="text-align: center;">←</td> <td>tổng số</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$57 - 13 = \underline{44}$</td> <td style="text-align: center;">←</td> <td>hiệu số</td> </tr> </table> 	$12 + 23 = \underline{35}$	←	tổng số	$57 - 13 = \underline{44}$	←	hiệu số		
$12 + 23 = \underline{35}$	←	tổng số							
$57 - 13 = \underline{44}$	←	hiệu số							

Kỹ Năng Suy Luận và Thành Công Trong Học Tập (TASS)		
	<u>Đó là...</u>	<u>Trong môn toán, học sinh sẽ...</u>
Phân Tích	chia nhỏ một toàn thể thành các bộ phận mà có thể không phải là hiển nhiên ngay từ đầu và xem xét các bộ phận để có thể hiểu được cấu trúc của toàn thể.	<ul style="list-style-type: none"> mô tả sự liên hệ giá trị theo vị trí giúp cộng và trừ hai số như thế nào. nhận biết điều gì đã biết và chưa biết trong một tình huống cộng hay trừ để giải bài toán. <p style="text-align: center;">↓</p> $57 - \square = 44$
Siêu Nhận Thức	biết và nhận thức sự suy nghĩ của mình và có khả năng giám sát và đánh giá sự suy nghĩ của mình.	<ul style="list-style-type: none"> nhận biết và suy nghĩ về việc những số lẻ và chẵn hỗ trợ các phương thức để cộng và trừ dùng tính nhẩm như thế nào (chẵn + chẵn = chẵn, lẻ + lẻ = chẵn, chẵn + lẻ = lẻ) dùng sự hiểu biết từ trước về giá trị theo vị trí để chọn những giáo cụ thích hợp (vật để đếm, khuôn mười, khối vuông) để giải một bài toán. tự kiểm soát để chữa những lỗi lầm khi giải bài toán. <div style="text-align: right;">  </div>

Bản Tin về Toán Lớp Hai

Kỳ Chấm Điểm Thứ 2, Phần 1

Kinh Nghiệm Học Tập Theo Chủ Đề Đo Lường (MT)

MT	 <u>Tại trường, con quý vị sẽ...</u>	 <u>Tại nhà, con quý vị có thể...</u>
Số và Các Phép Toán trong Hệ Cơ-Số Mười	<ul style="list-style-type: none"> cộng các số có 2 chữ số có hay không có cấu tạo một chục dùng nhiều phương pháp khác nhau (trục số, họa đồ hàng trăm, các khối cơ sở mười, vân vân) trừ các số với 2 chữ số có hay không phân giải một chục dùng nhiều phương pháp khác nhau (đường số, họa đồ hàng trăm, khối căn mười, vân vân) giải thích cách giải nhiều loại bài toán khác dùng cách viết. giải cho một số không biết (thiếu cộng thêm dùng phương pháp dựa theo vị trí giá trị. $12 + \square = 54$	<ul style="list-style-type: none"> thực tập giải các bài toán cộng và trừ dùng vật liệu tìm thấy ở nhà (cereal, mì ống, hạt đậu, hạt bắp, hạt của râu chuối). Xác định cách dùng các vật liệu này để cấu tạo hay phân giải một chục (dán một nhóm 10 hạt Cheerios trên một que kem để biểu diễn một chục). tung hai con súc sắc để tạo ra các số có 2 chữ số (nếu em tung ra  và  em có thể tạo ra các số 36 hay 63. Rồi, tung lại hai con súc sắc để tạo ra một số với 2 chữ số khác. Quyết định xem phải cộng hay trừ. Phân tách để xác định xem có cần phải cấu tạo hay phân giải một chục hay không khi giải bài toán. <p><u>Những trang mạng để trợ giúp việc học:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> http://www.pennsauken.net/~immath/etools/pvb/index.html http://www.curriculumsupport.education.nsw.gov.au/countmein/children_calendar.html
Các Phép Toán và Suy Luận Đại Số	<ul style="list-style-type: none"> dùng nhiều giáo cụ khác nhau (đồ vật để đếm, khuôn mười, khối vuông) để xác định xem đó là số lẻ hay chẵn. cộng và trừ trong vòng 20 dùng một trục số. giải các bài toán đố về góp chung và lấy bớt. 	<ul style="list-style-type: none"> tìm các số lẻ và chẵn ở quanh ta (như ở tiệm tạp hóa, ở nhà, trong hàng xóm). Nói tại sao đó là số lẻ hay chẵn. viết một bài toán đố cộng hay trừ và dạy một người trong gia đình một phương cách mới để giải bài toán đó.
Đo Lường và Dữ Liệu	<ul style="list-style-type: none"> cộng các số có 2 chữ số và tạo một trục số để ghi lại một phương thức viết. trừ các số có 2 chữ số và tạo một trục số để ghi một phương thức viết. 	<ul style="list-style-type: none"> dùng phấn, bút lông, bút chì màu, vân vân, vẽ một trục số với khoảng cách bằng nhau và dùng nó để giải các bài toán cộng và trừ.

Bảng Từ Ngữ	<p>số cộng: bất cứ số nào cộng vào một số khác $(12)+(42)=54$</p> <p>số chưa biết: Số ẩn trong một biểu thức hay phương trình</p> <p>phương pháp viết: bất cứ cách biểu diễn nào mắt thấy được về một phương thức dùng để giải một bài toán</p>
--------------------	---